

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VIỆT NAM**

Việt Nam có bờ biển dài 3260 km với nhiều đảo, đặc biệt có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông. Biển có vai trò vô cùng quan trọng về các mặt chiến lược, phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng, giao thông hàng hải đối với nước ta.

Trong định hướng phát triển kinh tế của nước ta. Đại hội Đảng lần thứ IX đã đề ra chủ trương “xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn một triệu km<sup>2</sup> thềm lục địa. các chương trình đánh bắt xa bờ, khai thác thăm dò dầu khí, phát triển vận tải biển, mở mang du lịch. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển”.

Để góp phần nâng cao hiểu biết về các vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam và những văn bản pháp lý về biển, đảo. Bộ đội Biên phòng tỉnh BR-VT giới thiệu một số vấn đề cơ bản về các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam.

### **PHẦN THỨ NHẤT KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM.**

#### **I. BIỂN VIỆT NAM**

Việt Nam có bờ biển tiếp liền với Biển Đông. Biển Đông thuộc loại lớn nhất nhì trên thế giới về mặt diện tích. Quanh Biển Đông có chín quốc gia ven biển: Trung Quốc, Việt Nam, Philippin, Brunei, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia.

Diện tích Biển Đông khoảng 3.447.000 km<sup>2</sup>, chiều dài khoảng 1.900 hải lý, chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 600 hải lý, độ sâu trung bình 1.149m.

Việt Nam có bờ biển dài 3260 Km chạy dài từ bắc tới nam, đứng thứ 27 trên thế giới. Có 29/64 tỉnh, thành phố ven biển với số dân chiếm khoảng 1/2 dân số cả nước. Nước ta có chủ quyền hoặc quyền chủ quyền trên khoảng 1.000.000 km<sup>2</sup> trên Biển Đông, chiếm khoảng 29% diện tích của biển Đông.

- Vùng lãnh hải và nội thủy của VN có diện tích rộng khoảng 50 vạn km<sup>2</sup>, vùng Đặc quyền kinh tế khoảng 1.000.000 km<sup>2</sup> và rộng gấp 3 lần diện tích lãnh thổ trên đất liền (332.000 km<sup>2</sup>).

#### **Về tài nguyên khoáng sản:**

**Dầu khí:** Vùng đặc quyền kinh tế khoảng 1.000.000 km<sup>2</sup>, vùng triển vọng có dầu khoảng 500Km<sup>2</sup>, mạch dầu tập trung ở Vịnh Bắc Bộ, thềm lục địa Miền trung. Ở Miền Nam chia làm 3 vùng:

- + Quảng Trị-Thừa Thiên;
- + Phú Quốc Hà Tiên;
- + Tây nam Côn Đảo.

Trữ lượng dầu ở ngoài khơi Miền nam VN chiếm 25% trữ lượng dầu ở Biển Đông. Theo các chuyên gia nước ngoài đánh giá khả năng khai thác từ 30-40 ngàn thùng dầu mỗi ngày (khoảng 20 triệu tấn/năm).

**Thủy sản:** Trong Biển Đông có 2.000 loài cá khác nhau cùng với vô số các loài hải sản khác như tôm, cua, trai, tảo... Xung quanh Biển Đông có nhiều rừng ngập mặn, một hệ sinh thái độc đáo cung cấp 50% chất hữu cơ nuôi sống các loài thủy sản ở các cửa sông.

**Các khoáng sản quý khác:** Vùng biển nước ta nằm về phía tây quặng thiếc Thái Bình Dương, trữ lượng lớn và có hàm lượng thiếc đến 70%; dọc bờ biển nước ta có các loại sa khoáng sản phlor biển chủ yếu là titan, thiếc, diricon... Các bãi cát trắng ở các đảo vùng Đông Bắc, ở Cam Ranh có tỉ lệ Thạch Anh cao (90-95%) là nguyên liệu quý cho công nghiệp kính, pha lê kính quang học.

**\*Các vùng biển Việt Nam:** Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (gọi tắt là Công ước Luật Biển năm 1982), như mọi quốc gia có biển, Việt Nam có 5 vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán. Để xác định phạm vi các vùng biển này, Ngày 12/11/1982 Chính phủ Việt Nam đã ra tuyên bố xác định Đường cơ sở<sup>1</sup> thẳng ven bờ lục địa Việt Nam gồm 10 đoạn nối 11 điểm.

Điểm	Vị trí địa lý	Tọa độ N	Kinh độ E
0	Nằm trên ranh giới phía tây nam của vùng nước lịch sử của nước CHXHCNVN và CPC	9 <sup>o</sup> 15'0	103 <sup>o</sup> 27'0
A1	Tại Hòn Nhạn, quần đảo Thổ Chu tỉnh Kiên Giang	9 <sup>o</sup> 15'0	103 <sup>o</sup> 27'0
A2	Tại Hòn Đá Lẻ của Đông nam Hòn Khoai, tỉnh Minh Hải	8 <sup>o</sup> 22'8	104 <sup>o</sup> 52'4
A3	Tại Hòn Tài Lớn, Côn Đảo, BR-VT	8 <sup>o</sup> 37'8	106 <sup>o</sup> 37'5

<sup>1</sup> - Theo Công ước Luật biển 1982 của LHQ, có hai loại đường cơ sở: đường cơ sở thông thường và đường cơ sở thẳng.

- Đường cơ sở thẳng: là đường cơ sở nối liền các điểm thích hợp và được áp dụng "ở những nơi nào bờ biển bị khoét sâu và lồi lõm hoặc nếu có một chuỗi đảo nằm sát ngay và chạy dọc theo bờ biển" hoặc "ở nơi nào bờ biển cực kỳ không ổn định do có một châu thổ và do những điều kiện tự nhiên khác".

- Đường cơ sở thông thường: là đường cơ sở tính từ mép nước thủy triều xuống thấp nhất dọc theo bờ biển. (điều 5, Công ước về Luật biển 1982).

A4	Tại Hòn Bông Lang Côn Đảo, BR-VT	8 <sup>o</sup> 38'9	106 <sup>o</sup> 40'3
A5	Tại Hòn Bảy Cạnh, Côn Đảo, BR-VT	8 <sup>o</sup> 39'7	106 <sup>o</sup> 42'1
A6	Tại Hòn Hải, (nhóm đảo Phú Quý) tỉnh Bình Thuận	9 <sup>o</sup> 58'0	109 <sup>o</sup> 05'0
A7	Tại Hòn Đồi, tỉnh Bình Thuận	12 <sup>o</sup> 39'0	109 <sup>o</sup> 28'0
A8	Tại Mũi Đại Lãnh, tỉnh Phú Khánh	12 <sup>o</sup> 53'8	109 <sup>o</sup> 27'2
A9	Tại Hòn Ông Cẩn, tỉnh Phú Khánh	13 <sup>o</sup> 54'0	109 <sup>o</sup> 21'0
A10	Tại đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	15 <sup>o</sup> 23'1	109 <sup>o</sup> 09'0
A11	Tại đảo Côn Cỏ, tỉnh Quảng Bình	17 <sup>o</sup> 10'0	107 <sup>o</sup> 20'6

Đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải

### 1. Nội thủy:

Nội thủy là vùng nước phía trong của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, bao gồm các vùng nước cảng biển, các vũng tàu, cửa sông, cửa vịnh, các vùng nước. Tại đó quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn tối cao và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền. Người và tàu thuyền nước ngoài muốn vào phải xin phép và phải được sự đồng ý của Việt Nam.

### 2. Lãnh hải:<sup>2</sup>

Lãnh hải của nước CHXHCNVN rộng 12 hải lý<sup>3</sup> (1 hải lý = 1.852m) tính từ đường cơ sở trở ra, Nước CHXHCNVN thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải của mình cũng như đối với vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải. Trong lãnh hải, tàu thuyền của các quốc gia khác được hưởng quyền qua lại không gây hại (không ảnh hưởng đến chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng). Ranh giới ngoài của lãnh hải là **biên giới quốc gia trên biển**. phao số “0” không phải là mốc biên giới biển, mà là điểm đầu tiên của hệ thống phao luồng để cho tàu thuyền vào cảng được thuận lợi và an toàn, được đặt theo Luật Hàng hải.

### 3. Vùng tiếp giáp lãnh hải:

Vùng tiếp giáp lãnh hải của nước CHXHCNVN là vùng biển tiếp liền phía ngoài lãnh hải VN có chiều rộng 12 hải lý hợp với lãnh hải tạo thành một vùng biển rộng 24 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng của lãnh hải VN.

Chính phủ nước CHXHCNVN thực hiện sự kiểm soát cần thiết trong vùng tiếp giáp lãnh hải của mình, nhằm bảo vệ an ninh, bảo vệ các quyền lợi về

<sup>2</sup> - Phao số “0”: Là điểm đầu tiên của hệ thống mốc tiêu dẫn luồng vào cảng được đặt theo qui định của Luật hàng hải. (Sổ tay pháp lý cho người đi biển, Tr49).

<sup>3</sup> - Đường biên giới trên biển: Đường biên giới quốc gia trên biển là, là đường song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở một khoảng cách vừa bằng chiều rộng của lãnh hải. (Sổ tay pháp lý cho người đi biển-Tr49).

- Khu vực biên giới biển: Tính từ đường biên giới trên biển vào hết địa giới của một xã, phường, thị trấn ven biển.(Điều 6-Luật BGQG)

hải quan, thuế khóa, đảm bảo sự tôn trọng về y tế, về di cư, nhập trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải VN.

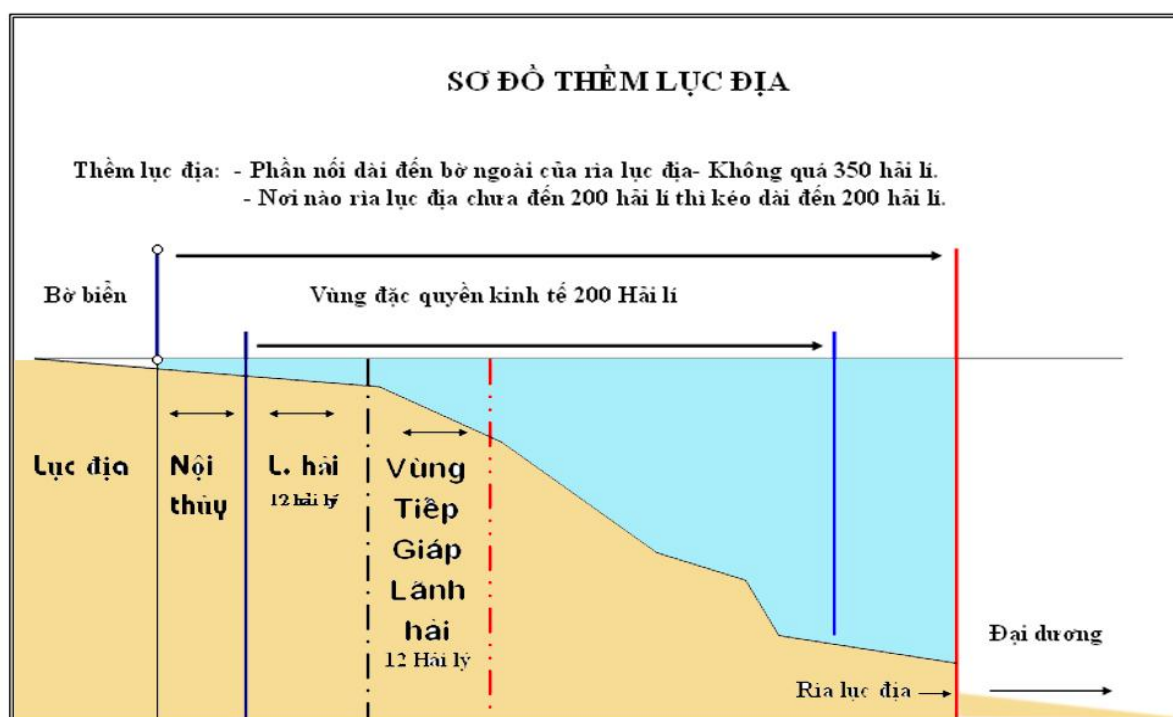
#### 4. Vùng đặc quyền kinh tế:

Vùng đặc quyền kinh tế của nước CHXHCNVN tiếp liền lãnh hải VN và hợp với lãnh hải VN thành một vùng biển rộng 200 hải lý kể từ đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải của VN.

Việt Nam có quyền chủ quyền hoàn toàn đối với mọi tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động kinh tế nhằm khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, được xây dựng, thiết lập các công trình nhân tạo, nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường biển.

Phía nước ngoài được hưởng tự do hàng hải, tự do lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm nhưng không ảnh hưởng đến các quyền nói trên của Việt Nam.

#### 5. Thêm lục địa:



Thêm lục địa của nước CHXHCNVN bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ Việt Nam mở rộng ra ngoài lãnh hải VN cho đến bờ ngoài của rìa lục địa tối thiểu là 200 hải lý, tối đa là 350 hải lý; nơi nào có bờ ngoài của rìa lục địa cách đường cơ sở để tính chiều rộng

lãnh hải VN không đến 200 hải lý thì thêm lục địa nơi ấy mở rộng ra 200 hải lý kể từ đường cơ sở đó hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 m.

Việt Nam có quyền chủ quyền hoàn toàn đối với mọi tài nguyên thiên nhiên ở trên bề mặt và trong lòng đất thêm lục địa của mình cũng như các hoạt động kinh tế liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên, có quyền khai thác dầu mỏ hay cho phép các nước khác khai thác dầu mỏ cũng như các khoáng sản khác ở khu vực này.

\* **Biển quốc tế:** Còn gọi là biển công (hay công hải), là vùng biển nằm ngoài vùng biển thuộc quyền tài phán của các quốc gia ven biển, không thuộc sở hữu của một quốc gia nào. Tất cả các quốc gia dù có biển hay không có biển đều có quyền tự do hàng hải, hàng không, đặt dây cáp, ống dẫn ngầm, xây dựng các đảo nhân tạo theo quy định của công ước quốc tế, tự do đánh bắt hải sản, nghiên cứu khoa học.

## II. ĐẢO VIỆT NAM

Việt Nam có trên 4000 hòn đảo lớn, nhỏ được phân bố thành một vòng cung rộng lớn chạy suốt vùng biển và bờ biển nước ta. Có 2 quần đảo lớn là Hoàng Sa, Trường Sa và gần 3.000 hòn đảo ven bờ lớn, nhỏ hợp thành hệ thống đảo với tổng diện tích khoảng trên 1.600 km<sup>2</sup>. Sự phân bố các đảo ở vùng biển Việt Nam không đều, Vịnh Bắc Bộ có hơn 2.300 đảo với diện tích khoảng 800 km<sup>2</sup>, biển Miền Trung có trên 250 đảo, với diện tích khoảng 170 km<sup>2</sup>, ven bờ biển Nam Bộ có khoảng 200 đảo, với diện tích khoảng 679 km<sup>2</sup>. Trong gần 3.000 đảo ven bờ thì có 82 đảo có diện tích lớn hơn 1 km<sup>2</sup>, có 23 đảo có diện tích trên 10 km<sup>2</sup>, 3 đảo có diện tích trên 100 km<sup>2</sup> và khoảng 1.400 đảo chưa có tên. Hiện nay, có 66 đảo có dân sinh sống với tổng số dân khoảng 155.000 người, đảo xa nhất cách bờ trên 300 hải lý.

*Quần đảo Hoàng Sa* có trên 30 đảo nổi, đảo chìm, cồn san hô, bãi cát nằm trong khoảng vĩ độ 15<sup>o</sup> 45' đến 17<sup>o</sup> 15' Bắc và kinh độ 111<sup>o</sup> đến 113<sup>o</sup> Đông trải dài trên một vùng biển rộng 100 hải lý Đông – Tây và 85 hải lý Bắc – Nam, chiếm diện tích khoảng 16 ngàn km<sup>2</sup>. Cách đảo Lý Sơn (Cù Lao Ré) hơn 120 hải lý, cách đảo Hải Nam Trung Quốc có nơi gần nhất 140 hải lý, cách Đà Nẵng khoảng 170 hải lý. Diện tích toàn bộ phần đảo nổi của quần đảo khoảng 10 km<sup>2</sup>, có đảo Phú Lâm là đảo lớn nhất (khoảng 1,5 km<sup>2</sup>).

*Quần đảo Trường Sa* nằm về phía Đông Nam của Biển Đông, cách Hoàng Sa 200 hải lý về phía nam, bao gồm hơn 100 đảo nổi, đảo chìm, bãi ngầm, bãi san

hồ trong khoảng từ  $6^{\circ} 50'$  đến  $12^{\circ} 00'$  Bắc và kinh độ  $111^{\circ} 30'$  đến  $117^{\circ} 20'$  nằm trải rộng trong một vùng biển khoảng 180 ngàn  $\text{km}^2$  với 325 hải lý Đông – Tây và 274 hải lý Bắc – Nam. Đảo gần đất liền nhất là đảo Trường Sa cách Cam Ranh 248 hải lý, Vũng Tàu 305 hải lý, cách đảo Hải Nam TQ 595 hải lý. Quần đảo Trường Sa được chia thành 8 cụm đảo (Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm và Bình Nguyên). Diện tích toàn bộ phần đảo nổi của quần đảo khoảng  $10 \text{ km}^2$ , đảo Ba Bình là đảo lớn nhất ( $0,735 \text{ km}^2$ ), đảo Song Tử Tây là đảo cao nhất (khoảng 4-6 m so với mực nước biển).

### **1. Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và là nước duy nhất quản lý liên tục, hòa bình, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa**

Cho đến thế kỷ XVII, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là các đảo vô chủ và cho đến nửa đầu thế kỷ XVII, chúa Nguyễn tổ chức “đội Hoàng Sa” (Cát Vàng) lấy người từ xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi ra quần đảo Hoàng Sa đánh bắt hải sản quý hiếm mang về dâng nộp triều đình, đồng thời đo vẽ, trồng cây và dựng cột mốc trên quần đảo. Lúc bấy giờ, địa danh quần đảo Hoàng Sa liền một dải, bao gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa. Chúa Nguyễn còn tổ chức thêm “đội Bắc Hải” lấy người từ thôn Tứ Chình, xã Cảnh Dương, phủ Bình Thuận, cấp giấy phép ra quần đảo Trường Sa với cùng nhiệm vụ như “đội Hoàng Sa”. Các hoạt động của nhà Nguyễn tại Hoàng Sa và Trường Sa được lưu lại không chỉ trong tài liệu lịch sử của nhiều tác giả trong nước như “Toàn tập Thiên nam tứ chí lộ đồ thư” của Đỗ Bá tự Công Đạo (1686) hay “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn (1776) ... mà còn được người nước ngoài ghi chép lại cho đến làm ăn sinh sống tại Việt Nam.

Thời kỳ Pháp thuộc, Chính phủ Pháp đã củng cố chính quyền trên hai quần đảo với tư cách là người thừa kế danh nghĩa của triều đình phong kiến An Nam. Từ những năm 1925 và 1927, Pháp đã tổ chức điều tra trên Hoàng Sa và duy trì tuần tra trên quần đảo này. Liên tục trong các năm 1930 – 1933, Pháp đã đưa quân đội ra đóng ở Trường Sa. Tiếp đó, để tiện quản lý, năm 1933, Pháp đã sáp nhập Trường Sa và tỉnh Bà Rịa (Nam Kỳ) và đến năm 1938 đã thành lập đơn vị hành chính ở Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên. Bên cạnh các hoạt động đó, Pháp còn cho đặt cột mốc, xây dựng hải đăng, trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện trên hai quần đảo. Trong quan hệ quốc tế, Pháp đã nhiều lần phản đối Trung Quốc về việc đòi hỏi chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 14/10/1950, Pháp chính thức giao việc quản lý quần đảo Hoàng Sa cho “Cính phủ Việt Nam Cộng hòa”. Tại Hội nghị San Francisco (1951), đại diện

“Cính phủ Việt Nam Cộng hoà” khẳng định chủ quyền lâu đời của Việt Nam đối với hai quần đảo. Về hành chính, năm 1956, chính quyền Sài Gòn đã quyết định sáp nhập Trường Sa thuộc tỉnh Phước Tuy và năm 1961 chuyển quần đảo Hoàng Sa từ tỉnh Thừa Thiên về tỉnh Quảng Nam quản lí.

Cùng với việc giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, tháng 4 năm 1975, Hải quân Việt Nam đã giải phóng các đảo do quân đội chính quyền Sài Gòn đóng giữ: đảo Trường Sa, Sơn Ca, Nam Yết, Song Tử Tây, Sinh Tồn, An Bang; đồng thời Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Liên tục từ đó đến nay, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng, Bộ Ngoại giao công bố Sách trắng vào các năm 1979, 1982 và 1988 về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo, khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam và Việt Nam có đầy đủ chủ quyền đối với hai quần đảo này, phù hợp với các qui định của luật pháp và thực tiễn quốc tế. Về quản lý hành chính, năm 1982, Chính phủ đã quyết định thành lập huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai và huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, hiện nay, huyện Hoàng Sa trực thuộc thành phố Đà Nẵng và huyện Trường Sa trực thuộc tỉnh Khánh Hoà. Để hoạt động quản lí hành chính hiệu quả hơn, tháng 4/2007, Chính phủ đã quyết định thành lập thị trấn Trường Sa và hai xã Song Tử Tây và Sinh Tồn. Hiện nay Việt Nam đang quản lí 21 đảo nổi và đảo chìm.

## **2. Tình hình tranh chấp quần đảo Hoàng Sa và trường Sa của Việt Nam**

Hiện nay có 6 quốc gia và vùng lãnh thổ tuyên bố chủ quyền toàn bộ hoặc một phần đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa gồm: Việt Nam, Trung Quốc, philippin, Malaysia, Bruney và Đài Loan.

### **Đối với quần đảo Hoàng Sa:**

Tháng 4 năm 1956, Pháp rút quân khỏi Hoàng Sa, quân đội của chính quyền Sài Gòn được giao quyền quản lý nước Việt Nam từ vĩ tuyến 17, chưa kịp ra thay thì quân của Trung Quốc đã chiếm nửa đảo phía Tây của quần đảo Hoàng Sa. Năm 1974, quân Mỹ rút khỏi Miền nam, chính quyền Sài Gòn đang bị thất bại. Tháng 1/1974, Trung Quốc cho máy bay ném bom quần đảo Hoàng Sa, sau đó cho quân đổ bộ chiếm nửa phía Đông của đảo Hoàng Sa, và hoàn thành việc chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa.

## **Đối với quần đảo Trường Sa:**

Quần đảo Trường Sa hiện nay có 6 quốc gia và vùng lãnh thổ chiếm giữ là: Việt Nam, Trung Quốc, philippin, Malaysia, Bruney và Đài Loan.

\* **Trung Quốc:** Tháng 2/1988, hải quân Trung Quốc đưa một lực lượng mạnh xuống vùng biển Trường Sa, gây ra cuộc xung đột lớn ngày 14/3/1988, bắn cháy ba tàu vận tải của Việt Nam, làm mất tích 74 quân nhân Việt Nam. Tính đến ngày 8/4/1988, Trung Quốc đã chiếm đóng 8 bãi đá trong quần đảo Trường Sa (Vành Khăn 1995, Chũ Thập, Châu Viên, Gạc Ma, Xu Bi, Huy Gơ, Ga Ven năm 1988).

Ngày 22/12/2007, Trung Quốc đã thành lập thành phố cấp huyện Tam Sa, bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Trong năm 2008 và 2009, tình hình biển đông diễn ra theo chiều hướng phức tạp. các nước trong khu vực đặc biệt là TQ đẩy mạnh các hoạt động củng cố yêu sách chủ quyền và tăng cường hoạt động trên biển. Công bố bản đồ đường lưỡi bò 9 đoạn trên biển đông trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam. Tổ chức các hoạt động thăm dò trong thềm lục địa VN và ngăn cản VN thăm dò và hợp tác với nước ngoài thăm dò trong thềm lục địa VN.

Trước tình hình đó, ta đã đấu tranh kiên quyết trên mọi phương diện nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Một số hoạt động chính trong công tác bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển đông của VN, gồm:

- Tăng cường khả năng phòng thủ và quản lý nhà nước, củng cố các kết cấu hạ tầng trên quần đảo Trường Sa.

- Kiên quyết đấu tranh buộc TQ dỡ bỏ bản đồ in “đường 9 đoạn” và hai quần đảo Trường Sa- Hoàng Sa và loại Hoàng Sa ra khỏi hành trình rước đuốc Olympic (tháng 4/2008).

- Tiến hành thu thập các bản đồ, tài liệu lịch sử, địa lý liên quan không thể hiện hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền TQ tại cuộc triển lãm “ Bản đồ TQ do phương tây sản xuất” tại Hồng Kông (tháng 9, 10/2008).

- Đấu tranh bảo vệ hoạt động dầu khí: ta kiên trì và kiên quyết đấu tranh cả ngoại giao và trên thực địa với trung quốc và các đối tượng liên quan về vấn đề Biển Đông, ngăn chặn kịp thời nhiều hoạt động can phá. Đến về cơ bản ta vẫn giữ được các đối tác dầu khí, đảm bảo các hoạt động dầu khí vẫn diễn ra thường xuyên.



\*. **Đài Loan:** chiếm đảo Ba Bình 1956, bãi cạn Bàn Than 2005 .

\*. **Philippin:** đóng chiếm 9 đảo nổi và đảo chìm, gồm: Song Tử Đông, Thị Tứ, Panata, Loại Ta, Bình Nguyên, Vĩnh Viễn, Công Đo, Cỏ Mây, Bến Lạc.

Ngày 18/2/2009, Quốc hội Philippin đã thông qua dự luật đường cơ sở mới theo hướng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa và bãi cạn Scarborough hiện đang trong vùng tranh chấp trên Biển Đông sẽ được quản lý theo “Quy chế quần đảo” thuộc nước Cộng hòa PLP. BNG ta đã triệu Đại sứ quán PLP tại Hà Nội để khẳng định rõ chủ quyền của VN về quần đảo Trường Sa và yêu cầu các bên tuân thủ Công ước Luật Biển năm 1982 và DOC, không làm phức tạp thêm tình hình, không mở rộng tranh chấp ở Trường Sa, cùng nỗ lực duy trì hòa bình và ổn định trên khu vực Biển Đông.

\*. **Malaysia:** chiếm đóng 7 đảo nổi và đảo chìm, gồm: Luxia, Sắc Lốt, Chim én, Kiêu Ngựa, Kỳ Vân, Én Ca, Thám Hiểm.

\*. **Brunei:** cũng là một bên tuyên bố chủ quyền, nhưng không chiếm đóng đảo, bãi đá nào.

\*. **Việt Nam:** hiện đã xác lập chủ quyền ở 21 đảo nổi và đảo chìm, gồm: đảo Song Tử Tây, đảo Niêm Yết, đảo Sơn Ca, đảo Sinh Tồn, đảo Sinh Tồn Đông, đảo Trường Sa, đảo Trường Sa Đông, đảo Phan Vinh, đảo An Bang, bãi Đá Lát, bãi Thuyền Chài, bãi Đá Tây, bãi Đá Đông, bãi Tóc Tan, bãi Núi Le, bãi Tiên Nữ, bãi Len Dao, bãi Cô Lin, bãi Đá Lớn, bãi Núi Thị, bãi Đá Nam.

### III. CHỦ TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mong muốn là bạn, là đối tác tin cậy với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, về vấn đề biển đông, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam là khẳng định chủ quyền của Việt nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Việt Nam chủ trương giải quyết các vấn đề tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ cũng như các bất đồng khác liên quan đến Biển Đông thông qua thương lượng hòa bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau; tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tôn trọng chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; chúng ta đang tích cực đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ và đàm phán tìm giải pháp cơ bản lâu dài cho vấn đề trên biển, đặc biệt là về chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản lâu dài, các bên liên

quan cần duy trì sự ổn định trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực.

Phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải, vùng trời của Tổ quốc và quyền chủ quyền, quyền tài phán thuộc vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; bảo vệ lợi ích quốc gia trên các vùng biển, đảo; duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý bảo vệ biển, đảo.

Phát triển kinh tế biển gắn liền với quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Xây dựng lực lượng vũ trang, nòng cốt là hải quân, không quân, cảnh sát biển, biên phòng, dân quân tự vệ biển mạnh làm chỗ dựa vững chắc cho ngư dân cùng các thành phần kinh tế sản xuất và khai thác tài nguyên biển.

## PHẦN THỨ HAI

### **CÁC HIỆP ĐỊNH PHÂN ĐỊNH, THỎA THUẬN VÀ TUYÊN BỐ ĐÃ KÝ KẾT VỀ VẤN ĐỀ TRÊN BIỂN GIỮA VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC CÓ LIÊN QUAN**

#### **I. VỚI TRUNG QUỐC**

##### **1. Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ**

###### **a. Khái quát về Vịnh Bắc Bộ**

- Diện tích Vịnh Bắc Bộ khoảng 126.250 km<sup>2</sup>

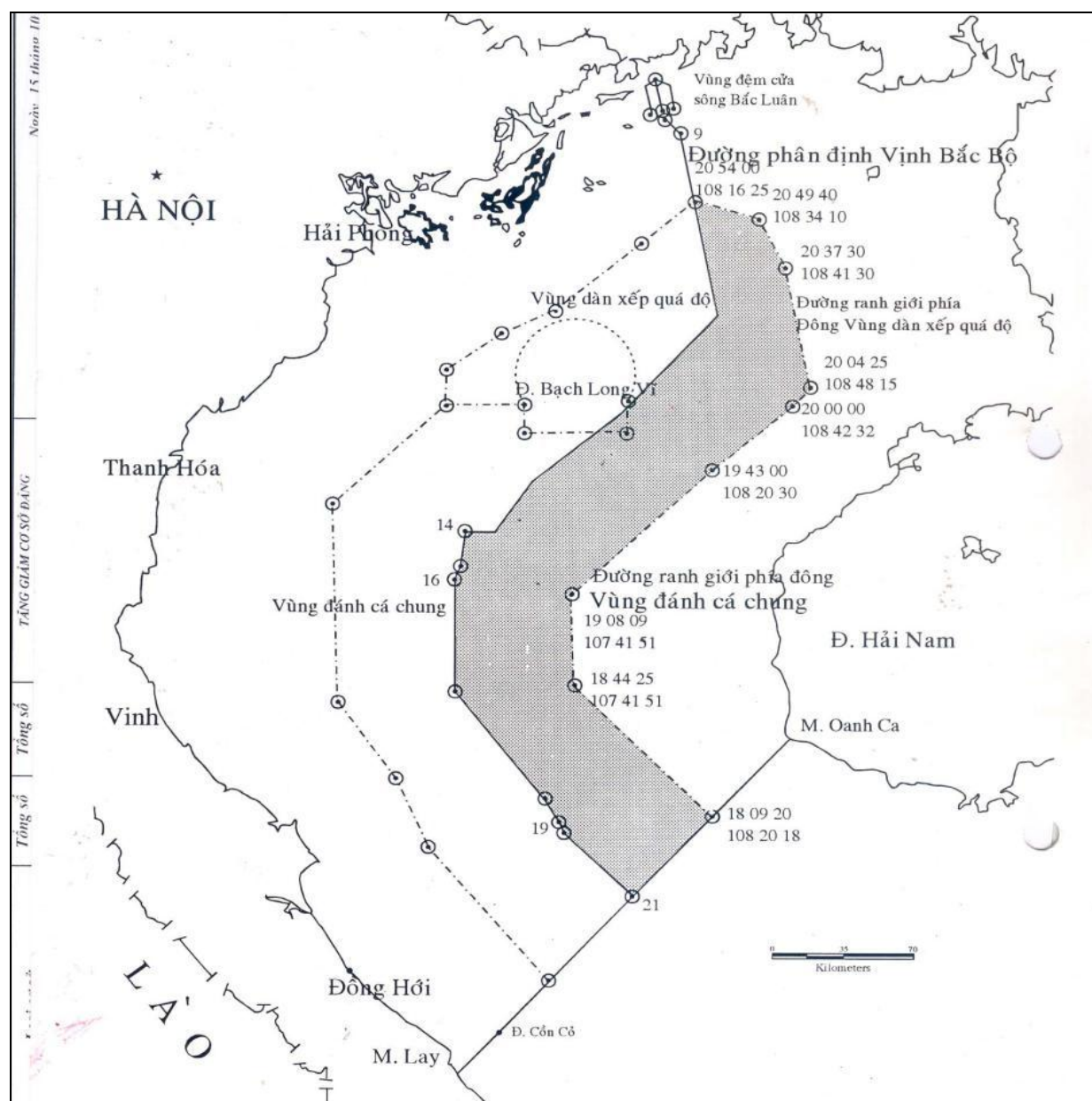
(30.000 hải lí vuông), chiều ngang rộng nhất là 310 km (176 hải lí), nơi hẹp nhất ở cửa vịnh rộng 220 km (119 lí).

- Vịnh được bao bọc bởi bờ biển của hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Bờ biển phía Nam Việt Nam dài khoảng 763 km chạy qua 10 tỉnh, thành phố (Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị). Bờ biển phía Trung Quốc dài khoảng 695 km, chạy qua hai tỉnh Quảng Tây và Hải Nam. Phía Việt Nam có hàng nghìn đảo ven bờ, đặc biệt có quần đảo Bạch Long Vĩ nằm gần giữa vịnh. Phía Trung Quốc có một số đảo nhỏ phía đông bắc vịnh như đảo Vị Châu, Tà Dương.

###### **b. Nội dung chủ yếu của Hiệp định**

Ngày 25/12/2000, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ. Đây là Hiệp định mang tính tổng thể, phân định rõ đường biên giới, lãnh hải và ranh giới vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa giữa hai nước trong Vịnh Bắc Bộ. Hai bên thống nhất một đường phân định với 21 điểm kéo dài từ cửa sông Bắc Luân (phía Bắc) đến cửa vịnh phía Nam, từ điểm 1 đến điểm 9 là là biên giới lãnh hải giữa hai nước trong VBB, từ điểm số 9 đến 21 là ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong VBB.<sup>4</sup> Cụ thể:

(tọa độ đính kèm).....



<sup>4</sup> Tại vùng VBB: Vùng nội thủy của nước ta vẫn chưa xác định được vì ta chưa công bố đường cơ sở trong VBB. Ranh giới bên ngoài của lãnh hải mới xác định được một đoạn đánh số từ số 1 đến số 9 trên bản đồ phân định VBB, các ranh giới lãnh hải còn lại chưa xác định được vì chưa có đường cơ sở làm chuẩn; Ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa được xác lập từ điểm 9 đến 21 trên bản đồ phân định.

- Hai bên cam kết tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mỗi bên đối với lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ được xác định theo Hiệp định.

- Đối với tài nguyên, Hiệp định qui định rõ trong trường hợp có các cấu tạo dầu mỏ, khí tự nhiên hoặc tài nguyên khoáng sản khác nằm vắt ngang đường phân định, hai bên sẽ thông qua bàn bạc, đàm phán hữu nghị để thoả thuận về việc khai thác cũng như việc phân chia công bằng lợi ích thu được từ việc khai thác tài nguyên nói trên.

- Hai bên đồng ý hiệp thương về việc sử dụng hợp lí và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật, hợp tác bảo tồn, quản lí và sử dụng tài nguyên sinh vật ở vùng đặc quyền kinh tế của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ.

- Hai bên cam kết mọi tranh chấp liên quan đến việc giải thích và thực hiện Hiệp định được giải quyết hoà bình, hữu nghị thông qua thương lượng.

- Ngoài ra, việc phân định Vịnh Bắc Bộ giữa hai nước theo Hiệp định này không ảnh hưởng hoặc phương hại đến lập trường của mỗi bên đối với các qui định luật pháp quốc tế về biển. Theo đường phân định, Việt Nam được hưởng 53,23%, Trung Quốc được hưởng 46,77% diện tích vịnh.

## **2. Hiệp định hợp tác nghề cá**

Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ đã được Bộ Thủy sản Việt Nam và Bộ Nông nghiệp Trung Quốc thay mặt Chính phủ hai nước ký kết tại Bắc Kinh (Trung Quốc) ngày 25/12/2000 và có hiệu lực thi hành từ ngày 30/6/2004. Hiệp định gồm 22 điều và 01 Nghị định thư. Vùng đánh cá chung được giới hạn bởi các điểm sau:

Điểm 1: Vĩ độ 17 <sup>o</sup> 23'38" Bắc	Kinh độ 107 <sup>o</sup> 34'43" Đông
Điểm 2: Vĩ độ 18 <sup>o</sup> 09'20" Bắc	Kinh độ 108 <sup>o</sup> 20'18" Đông
Điểm 3: Vĩ độ 18 <sup>o</sup> 44'25" Bắc	Kinh độ 107 <sup>o</sup> 41'51" Đông
Điểm 4: Vĩ độ 19 <sup>o</sup> 08'09" Bắc	Kinh độ 107 <sup>o</sup> 41'51" Đông
Điểm 5: Vĩ độ 19 <sup>o</sup> 43'00" Bắc	Kinh độ 108 <sup>o</sup> 20'30" Đông
Điểm 6: Vĩ độ 20 <sup>o</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 108 <sup>o</sup> 42'32" Đông
Điểm 7: Vĩ độ 20 <sup>o</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 107 <sup>o</sup> 57'42" Đông
Điểm 8: Vĩ độ 19 <sup>o</sup> 52'34" Bắc	Kinh độ 107 <sup>o</sup> 57'42" Đông
Điểm 9: Vĩ độ 19 <sup>o</sup> 52'34" Bắc	Kinh độ 107 <sup>o</sup> 29'00" Đông
Điểm 10: Vĩ độ 20 <sup>o</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 107 <sup>o</sup> 29'00" Đông
Điểm 11: Vĩ độ 20 <sup>o</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 107 <sup>o</sup> 07'41" Đông

Điểm 12: Vĩ độ 19 <sup>0</sup> 33'07" Bắc	Kinh độ 106 <sup>0</sup> 37'17" Đông
Điểm 13: Vĩ độ 18 <sup>0</sup> 40'00" Bắc	Kinh độ 106 <sup>0</sup> 37'17" Đông
Điểm 14: Vĩ độ 18 <sup>0</sup> 18'58" Bắc	Kinh độ 106 <sup>0</sup> 53'08" Đông
Điểm 15: Vĩ độ 18 <sup>0</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 107 <sup>0</sup> 01'55" Đông
Điểm 16: Vĩ độ 17 <sup>0</sup> 23'38" Bắc	Kinh độ 107 <sup>0</sup> 34'43" Đông

- Xác định vùng đệm cho tàu thuyền đánh cá loại nhỏ ở cửa sông Bắc Luân với bề rộng 03 hải lí tính từ đường phân định ra mỗi bên và chiều dài 10 hải lí. Phạm vi được giới hạn bởi các điểm có tọa độ sau:

Điểm số 1	Vĩ độ 21 <sup>0</sup> 28'12.5" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 06'04.3" Đông
Điểm số 2	Vĩ độ 21 <sup>0</sup> 25'40.7" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 02'46.1" Đông
Điểm số 3	Vĩ độ 21 <sup>0</sup> 17'52.1" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 04'30.3" Đông
Điểm số 4	Vĩ độ 21 <sup>0</sup> 18'29.0" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 07'39.0" Đông
Điểm số 5	Vĩ độ 21 <sup>0</sup> 19'05.7" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 10'47.8" Đông
Điểm số 6	Vĩ độ 21 <sup>0</sup> 25'41.7" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 09'20.0" Đông
Điểm số 7	Vĩ độ 21 <sup>0</sup> 28'12.5" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 06'04.3" Đông

- Xác định vùng nước dàn xếp quá độ cho phép tàu cá của hai bên được tiếp tục hoạt động nghề cá trong thời hạn 04 năm ở vùng nước phía bên kia. Các bên hàng năm phải giảm dần số lượng tàu đánh cá của mình ở vùng nước phía bên kia và chấm dứt đánh bắt cá trong vòng 04 năm tính từ ngày 30/6/2004. Phạm vi vùng nước dàn xếp quá độ được giới hạn bằng các đoạn thẳng nối các điểm phía Bắc vĩ tuyến 20<sup>0</sup> Bắc theo thứ tự dưới đây, nhưng giữa hai điểm K và L được nối bằng cung tròn có tâm là đèn biển Bạch Long Vĩ (tọa độ 20<sup>0</sup>08'00" Bắc, 107<sup>0</sup>43'40" Đông) và bán kính 15 hải lí, cụ thể:

Điểm số A(6)	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 42'32" Đông
Điểm số B	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 04'25" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 48'15" Đông
Điểm số C	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 37'30" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 41'30" Đông
Điểm số D	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 49'40" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 34'10" Đông
Điểm số E	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 54'00" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 16'25" Đông
Điểm số F	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 43'20" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 01'40" Đông
Điểm số G	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 25'35" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 37'40" Đông
Điểm số H	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 19'25" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 23'00" Đông
Điểm số I	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 09'30" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 07'41" Đông
Điểm số J(11)	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 06'04.3" Đông
Điểm số K	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 30'00" Đông
Điểm số L	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 57'00" Đông
Điểm số A(6)	Vĩ độ 20 <sup>0</sup> 00'00" Bắc	Kinh độ 108 <sup>0</sup> 42'32" Đông

Trong thời gian tới VN và TQ tiếp tục tiến hành đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ. Đến tháng 1/2009, hai bên đã tiến hành được 5 vòng đàm phán. Hai bên quán triệt và thực hiện theo đúng thỏa thuận nêu trong “Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc” của lãnh đạo cấp cao hai nước về “tiếp tục thúc đẩy một cách vững chắc đàm phán phân định **vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ** và trao đổi vấn đề hợp tác cùng phát triển, sớm khởi động khảo sát ở vùng biển này” là nguyên tắc chỉ đạo cơ bản cho nhóm công tác liên hợp về đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ VN-TQ.

## II. VỚI CAM PU CHIA

Việt Nam – Campuchia đường biên giới trên biển chưa được phân định và hai bên vẫn trong quá trình đàm phán. Ngày 7/7/1982, hai bên đã ký kết một hiệp định xác lập một vùng nước lịch sử chung Việt Nam – Campuchia (diện tích khoảng 8.797 km<sup>2</sup>) được giới hạn bởi bờ biển tỉnh Kiên Giang, đảo Phú Quốc đến đảo Thổ Chu của Việt Nam và bờ biển tỉnh Kampot đến nhóm đảo Poulowai của Campuchia chưa có đường biên giới trên biển, nhưng chủ quyền của mỗi bên đối với các đảo trên vùng biển giữa hai nước đã được xác định bởi đường “Bri-e” do toàn quyền Đông Dương vạch ra năm 1939 phân chia quyền quản lí về hành chính đối với các đảo trong vịnh giữa hai nước.

Trong những năm tới, Việt Nam – Campuchia tiếp tục đàm phán phân định vùng nước Lịch sử, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa với Campuchia. Hai bên đã thống nhất nguyên tắc chung giải quyết các vấn đề biên giới trên cơ sở: tiêu chuẩn, nguyên tắc của luật pháp quốc tế và tham khảo thực tiễn quốc tế; không xâm phạm toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình.

## III. VỚI THÁI LAN

Việt Nam và Thái Lan tồn tại một vùng chồng lấn thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế (rộng khoảng 6.074km<sup>2</sup>). Vùng chồng lấn giữa hai quốc gia nằm trong Vịnh Thái Lan, là nơi có nhiều tài nguyên thiên nhiên quý như hải sản, dầu khí, hình thành do chính quyền Sài Gòn công bố năm 1971 và đường ranh giới thềm lục địa của Thái Lan công bố năm 1973.

Từ năm 1992 đến năm 1997 hai bên đã tiến hành chín vòng đàm phán và đến ngày 9/8/1997, Chính phủ hai nước đã kí Hiệp định phân định ranh giới trên biển giữa hai nước theo đường C-K dài khoảng 74 hải lí (137km). Cụ thể:

Điểm C: Vĩ độ: 07<sup>0</sup>49'00"0000 Bắc; Kinh độ: 103<sup>0</sup>02'30"0000 Đông

Điểm K: Vĩ độ 08<sup>0</sup>46'54". 7754 Bắc; Kinh độ 102<sup>0</sup>12'11". 5342 Đông

Theo hiệp định, VN được hưởng 32.5% diện tích vùng chông lán. Hiệp định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/02/1998. Đây là Hiệp định biên giới biển đầu tiên Việt Nam kí kết với các nước láng giềng.

Việt Nam – Thái Lan tiếp tục đàm phán để phân định và hợp tác trong vùng thêm lục địa chông lán ba nước Việt Nam – Thái lan – Malaysia.

#### **IV. VỚI MA LAI XI A**

Việt Nam và Malaixia có một khu vực chông lán rộng khoảng 2.800 km<sup>2</sup>. Vùng biển chông lán này hình thành bởi đường ranh giới thêm lục địa do chính quyền Sài Gòn công bố năm 1971 và ranh giới thêm lục địa thể hiện trên bản đồ của Malaixia công bố năm 1979.

Ngày 05/6/1992 Việt Nam và Malaixia đã ký kết và trao đổi công hàm phê duyệt bản thoả thuận về “Hợp tác khai thác chung” trong khu vực thêm lục địa chông lán giữa hai nước; giao cho các công ty dầu lửa của hai nước kí kết các dàn xếp thương mại và tiến hành hợp tác thăm dò, khai thác trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau. Đây là thoả thuận về hợp tác khai thác chung đầu tiên của nước ta với các nước láng giềng. Việc phân định vùng chông lán (ranh giới trên biển) giữa hai nước chưa được giải quyết.

Việt Nam và Malaysia tiếp tục đàm phán đàm phán để phân định vùng chông lán đặc quyền kinh tế và thêm lục địa giữa Việt Nam và Malsysia.

#### **V. VỚI PHI LIP PIN**

Từ năm 1978 đến năm 1994, Việt Nam và Philippin đã có thoả thuận: Sẽ giải quyết mọi tranh chấp giữa hai nước bằng thương lượng hoà bình trên tinh thần hữu nghị, hoà giải và tin cậy lẫn nhau. Ngày 07/11/1995, Bộ Ngoại giao hai nước đã đạt được thoả thuận về nguyên tắc ứng xử cơ bản đối với vùng tranh chấp. Từ năm 1996 đến năm 2000, hai bên đã thực hiện thành công chuyến khảo sát chung về khoa học biển tại khu vực Trường Sa - Biển Đông và sẽ còn tiếp tục tổ chức các chuyến khảo sát chung khi có điều kiện. Hiện nay, Việt Nam và Philippin chưa có một hiệp định nào trên biển được kí kết. Ở Trường Sa, Philippin đang chiếm đóng 09 đảo và đang có chủ trương xây dựng các đảo đã chiếm đóng thành các trung tâm du lịch. Philippin đang tiến hành nhiều cuộc hội thảo trong nước và vận động quốc tế (chủ yếu là Mỹ) ủng hộ để tìm cách mở rộng thêm lục địa ra 300 hải lí (trùm lên khu vực quần đảo Trường Sa tới tận Ba Kè).

## **VI. VỚI IN ĐÔ NÊ XI A**

Việt Nam và Indônêxia có vùng biển chồng lấn rộng khoảng 40.000km<sup>2</sup>. Ngày 26/6/2003, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định phân định ranh giới thềm lục địa Việt Nam – Indônêxia. Theo đường phân định ranh giới thềm lục địa giữa hai nước, Việt Nam đạt 63%, phía Indônêxia đạt 37% diện tích vùng chồng lấn. Về chế độ pháp lý, hai bên tôn trọng cam kết tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mỗi bên đối với thềm lục địa giữa hai nước được xác định theo Hiệp định.

Đường phân định thềm lục địa giữa VN – Indonesia được xác định bằng các đoạn thẳng nối tuần tự các điểm 20-H-H1-A4-X1-25. Cụ thể:

- Điểm 20: 6°5'48''N -105°49'12''E;
- Điểm H: 6°15'00''N - 106°12'00''E
- Điểm H<sub>1</sub>: 6°15'00''N -106°19'01''E;
- Điểm A<sub>4</sub>: 6°20'59.88''N -106°39'37.67''E
- Điểm X<sub>1</sub>: 6°50'15''N - 109°17'13''E;
- Điểm 25: 6°18'12''N - 109°38'36''E

Sau Hiệp định phân định vùng biển VN –Thái Lan. Hiệp định phân định VBB giữa VN – TQ, Hiệp định phân định thềm lục địa giữa VN – Indonesia là hiệp định thứ ba về phân định vùng biển của nước ta. Việt Nam tiếp tục đàm phán để phân định vùng chồng lấn đặc quyền kinh tế với Indonesia.

## **VII. THỎA THUẬN VỀ VÙNG KHAI THÁC CHUNG GIỮA VIỆT NAM-MALAYSIA; VIỆT NAM-MALAYSIA-THÁI LAN**

VN-Malaysia có vùng chồng lấn rộng khoảng 2.800 km<sup>2</sup> trong Vịnh Thái Lan. Tháng 5/1992 hai bên đã ký thỏa thuận hợp tác thăm dò và khai thác chung trong vùng chồng lấn. Các công ty dầu khí hai bên đã ký thỏa thuận thăm dò, khai thác và phân chia dầu khí tại khu vực này. Vấn đề phân định vùng biển và thềm lục địa chồng lấn sẽ được giải quyết sau. Ngoài ra, giữa Việt Nam, Malaysia và Thái Lan có một vùng chồng lấn khoảng 800 km<sup>2</sup> ba bên đã thỏa thuận trong khi chờ đợi giải quyết phân định sẽ cùng nhau khai thác chung khu vực chồng lấn.

## **VII. VỚI ASIAN**

Ngày 04/11/2002, tại Phnôm Pênh (Campuchia), Việt Nam cùng các quốc gia ASEAN và Trung Quốc đã ký kết bản Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC), đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc giải quyết



các vấn đề trên biển và duy trì ổn định của khu vực. Nội dung chính của tuyên bố gồm 10 điểm:

1. Các bên đã khẳng định lại cam kết đối với những mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương Liên hiệp quốc, Công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982, Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á, 05 nguyên tắc phổ cập khác của luật pháp quốc tế, đây là những nguyên tắc cơ bản nhằm điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia.

2. Các bên đã cam kết tìm ra những phương cách để tạo dựng sự tin cậy và lòng tin phù hợp với các nguyên tắc nêu trên, trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.

3. Các bên khẳng định lại sự tôn trọng và cam kết của mình đối với quyền tự do hàng hải và quyền tự do bay ngang qua vùng trời phía trên Biển Đông như đã được qui định bởi các nguyên tắc phổ cập của luật pháp quốc tế, kể cả Công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982.

4. Các bên liên quan đã cam kết giải quyết những tranh chấp lãnh thổ và quyền tài phán bằng các biện pháp hoà bình, không đe dọa vũ lực hay sử dụng vũ lực, thông qua tham khảo ý kiến và thương lượng hữu nghị giữa các quốc gia có chủ quyền trực tiếp liên quan, phù hợp với các nguyên tắc phổ cập của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982.

5. Các bên liên quan đã cam kết tự kiềm chế không tiến hành các hoạt động làm phức tạp hoặc gia tăng các tranh chấp và ảnh hưởng tới hoà bình, ổn định, kể cả các hoạt động đưa người đến sinh sống trên các đảo, bãi đá ngầm, dải đá ngầm và những cấu trúc khác hiện chưa có người sinh sống đồng thời xử lý các bất đồng một cách xây dựng.

Trong khi chờ đợi các giải pháp hoà bình cho các tranh chấp lãnh thổ và quyền tài phán, các bên liên quan cũng đã cam kết tăng cường các nỗ lực trên tinh thần hợp tác và hiểu biết lẫn nhau nhằm tìm ra phương cách xây dựng sự tin cậy và lòng tin giữa các bên, bao gồm:

a) Khi thích hợp, tiến hành đối thoại và trao đổi ý kiến giữa các quan chức quân sự và quốc phòng của các bên có liên quan;

b) Bảo đảm đối xử nhân đạo và công bằng đối với tất cả mọi người gặp nguy hiểm hay lâm nạn;

c) Tự nguyện thông báo cho các bên có liên quan khác về các cuộc tập quân sự chung sắp diễn ra;

d) Tự nguyện trao đổi thông tin thích hợp.

6. Trong khi chờ đợi các giải pháp toàn diện và lâu dài cho tranh chấp các bên có liên quan có thể thăm dò hoặc tiến hành các hoạt động hợp tác. Các hoạt động này có thể bao gồm:

a) Bảo vệ môi trường biển;

b) Nghiên cứu khoa học biển;

c) An toàn hàng hải và liên lạc trên biển;

d) Các hoạt động tìm kiếm và cứu nạn;

e) Đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia, nhưng chỉ giới hạn trong các lĩnh vực buôn lậu ma túy, cướp biển, cướp có vũ trang trên biển và buôn lậu vũ khí.

Các thể thức phạm vi và địa điểm liên quan đến các hợp tác song phương và đa phương phải được các bên có liên quan nhất trí trước khi thực hiện.

7. Các bên có liên quan sẵn sàng tiếp tục các cuộc tham khảo ý kiến và đối thoại về các vấn đề có liên quan thông qua những thể thức được các bên nhất trí, kể cả việc tiến hành các cuộc tham khảo ý kiến thường xuyên về việc tiến hành Tuyên bố này, nhằm mục đích thúc đẩy quan hệ láng giềng tốt và tính minh bạch, tạo dựng sự hoà hợp, hiểu biết lẫn nhau và hợp tác; tạo điều kiện giải quyết hoà bình các tranh chấp giữa các bên.

8. Các bên cam kết tôn trọng những điều khoản của Tuyên bố này và tiến hành các hoạt động phù hợp với những điều khoản đó.

9. Các bên khuyến khích các nước khác tôn trọng các nguyên tắc được nêu trong Tuyên bố này.

10. Các bên có liên quan khẳng định lại việc thông qua Bộ qui tắc ứng xử ở Biển Đông sẽ thúc đẩy hơn nữa hoà bình và ổn định ở khu vực và đồng ý trên cơ sở đồng thuận, phấn đấu đạt được mục tiêu trên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Những điều cần biết về Đất-Trời-Biển Việt Nam- Nhà xuất bản Thanh Niên.
2. Sổ tay pháp lý cho người đi biển- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
3. Bảo vệ vững chắc chủ quyền và phát triển kinh tế biển đảo – Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy BR-VT.
4. Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam – Nhà xuất bản trẻ.
5. Cuộc tranh chấp Việt – Trung về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa – Nhà xuất bản CAND.